

Số: /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

## **TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP);

UBND tỉnh trình thường trực HĐND tỉnh nội dung xây dựng Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Về căn cứ pháp lý**

Đảng và Nhà nước ta đã xác định doanh nghiệp là động lực chính để tái cơ cấu nông nghiệp, đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phát triển như: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị định số Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (nay được thay thế bằng Nghị định số 57/2018/NĐ-CP); Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020...

Thời gian qua, quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển nông nghiệp, căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối và chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của tỉnh, như: Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 01/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục vận động nông dân thực hiện “dồn điền, đổi thửa”; Nghị quyết 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết của HĐND số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2017-2020; Nghị quyết số 24/2018/NQ-

HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quy định mức hỗ trợ phát triển vùng rau chế biến; Chính sách hỗ trợ khuyến khích đồn điền, đổi thửa; xây dựng cánh đồng mẫu; Đề án cơ giới hoá giảm tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp; Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất và tiêu thụ nắm gắn với ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; Đề án phát triển lúa lai, lúa chất lượng; Đề án sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP; Quy định mức hỗ trợ đầu tư phát triển chăn nuôi- thú y; Đề án hỗ trợ phát triển chăn nuôi gà đồi Yên Thế theo hướng VietGAP; Đề án nâng cao chất lượng giống thủy sản; Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng thuộc nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương...

Tuy nhiên, qua rà soát, HĐND tỉnh chưa có cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; chưa có chính sách để thúc đẩy tập trung đất đai để thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tại khoản 1, Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP nêu rõ trách nhiệm của HĐND tỉnh:

*"a) Rà soát, ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại địa phương, trong đó quy định chính sách tín dụng tại địa phương quy định tại Điều 8 Nghị định này; vốn cấp bù lãi suất hỗ trợ cho các dự án và mức vốn sử dụng ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp.*

*b) Ban hành cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phù hợp với thẩm quyền và các quy định của pháp luật."*

## **2. Về tình hình phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh**

Cùng sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đoàn thể, xã hội, doanh nghiệp và bà con nông dân, nên sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh phát triển khá toàn diện và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt khá cao (bình quân 7%/năm), cao hơn so với bình quân chung của cả nước và các tỉnh TDMNPB; việc chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật, giống mới và đưa cơ giới hóa vào sản xuất được đẩy mạnh; năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi không ngừng tăng qua các năm; quy mô sản xuất một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế so sánh tăng nhanh...Tuy nhiên, nông nghiệp, nông thôn của tỉnh hiện còn nhiều hạn chế:

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp không ổn định phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, khí hậu, thị trường tiêu thụ và có xu hướng chậm lại. Nông nghiệp phát triển còn kém bền vững và chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của địa phương; đóng góp của lâm nghiệp trong tăng trưởng kinh tế còn thấp, chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và mục tiêu đề ra.

- Quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, phân tán, chủ yếu là kinh tế hộ; việc tích tụ ruộng đất còn khó khăn; tỷ lệ cơ giới hóa còn thấp nên năng suất, chất

lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản chưa cao; công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật đã được quan tâm, song việc ứng dụng nhân rộng các mô hình hiệu quả còn chậm và chưa hiệu quả.

- Việc bảo quản, chế biến sau thu hoạch còn kém phát triển, phần lớn nông sản tiêu thụ và xuất khẩu ở dạng sơ chế, thô nên giá trị gia tăng thấp; các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị chưa nhiều, sự liên kết chưa chặt chẽ, thiếu bền vững; sản xuất chưa gắn kết được với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.

- Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, chủ yếu mới chỉ tập trung đầu tư cho kết cấu hạ tầng thủy lợi, còn giao thông nội đồng

- Đặc biệt, việc thu hút dự án đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản còn hạn chế, doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư dự án thuộc lĩnh vực này (tính đến nay, tổng số dự án đã thu hút vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn là: 87 dự án, trong đó chỉ có 21 dự án do doanh nghiệp đầu tư. Tính riêng năm 2018, chỉ thu hút được 9 dự án, trong đó 5 dự án do doanh nghiệp đầu tư). Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong khu vực này thấp chiếm khoảng 3% trên tổng số doanh nghiệp (hiện có khoảng 142 doanh nghiệp hoạt động). Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chủ yếu với quy mô nhỏ, khả năng cạnh tranh thấp, năng xuất lao động thấp, chưa phát huy đúng với vai trò của mình.

*Xuất phát từ căn cứ pháp lý và tình hình phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh nêu trên, ngoài việc thực hiện các nội dung hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, cần thiết ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích tích tụ đất đai để phát triển đúng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội tại địa phương.*

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Nhằm thực hiện khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, tạo điều kiện thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh nhất là ở khu vực nông thôn.

### **2. Quan điểm**

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp với phù hợp quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và các chính sách pháp luật của cấp trên.

- Chính sách trong Nghị quyết được xây dựng với định mức hỗ trợ hợp lý, tập trung, hiệu quả, phù hợp với khả năng chi của ngân sách địa phương.

- Điều kiện để được nhận hỗ trợ của các chính sách trong Nghị quyết phù hợp với thực tế của tỉnh, doanh nghiệp với nhu cầu đầu tư và mở rộng có thể dễ dàng tiếp cận và tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, không bao gồm các nội dung hỗ trợ khác theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư và doanh nghiệp nhà nước) được hỗ trợ theo quy định từ mục 2.1 đến mục 2.6 khoản 2, phần IV.

b) UBND xã, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã), Ban quản lý thôn, bản, tổ dân phố (sau đây gọi là BQL thôn); hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước được hỗ trợ theo quy định tại mục 2.7, khoản 2, phần IV.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

#### **3. Nguyên tắc áp dụng**

Thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP

### **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Mục tiêu**

Hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết những khó khăn về vốn để đầu tư dự án vào nông nghiệp, nông thôn thông qua việc hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp; giúp các doanh nghiệp tăng giá trị sản phẩm, tăng khả năng mở rộng thị trường, xuất khẩu thông qua hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm; hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung, đầu tư trồng hoa, rau và cây dược liệu để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Ngoài ra, còn có chính sách để khuyến khích tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

#### **2. Nội dung của chính sách**

##### **2.1. Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng**

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định được hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

a) Mức lãi suất hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ nhưng không quá 3%/năm.

b) Thời gian và mức hỗ trợ

- Đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập: thời gian hỗ trợ tối đa là 08 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 02 tỷ đồng.

- Đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 06 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 01 tỷ đồng.

- Đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 750 triệu đồng.

- Đối với dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 500 triệu đồng.

c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

## **2.2. Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp**

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định được hỗ trợ 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án trong 5 năm đầu và hỗ trợ 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án trong 5 năm tiếp theo.

## **2.3. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm**

a) Nội dung, mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế mới hoặc nâng cấp mẫu mã bao bì, nhãn mác và sản xuất bao bì, nhãn mác sản phẩm, nhưng không quá 100 triệu đồng/sản phẩm.

- Hỗ trợ 50% chi phí tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhưng không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.

- Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng nhãn hiệu nhưng không quá 5 triệu đồng/sản phẩm.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Doanh nghiệp có các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm và sản phẩm nông sản thuộc Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.

- Sản phẩm được hỗ trợ chi phí thiết kế mới hoặc nâng cấp mẫu mã bao bì, nhãn mác và sản xuất bao bì, nhãn mác sản phẩm và chi phí tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm là sản phẩm đã có giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do cơ quan có thẩm quyền cấp.

#### **2.4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung**

a) Nội dung, mức hỗ trợ

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung được nhà nước hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

Dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi từ 500 con trở lên, phù hợp quy hoạch chăn nuôi tập trung được UBND tỉnh phê duyệt hoặc phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới, thực hiện phương án bảo vệ môi trường theo quy định.

#### **2.5. Hỗ trợ trồng hoa, rau**

a) Nội dung, mức hỗ trợ

Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng hoa, rau theo hướng nông nghiệp hữu cơ được hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng giao thông, điện, hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống nhà lưới, nhà kính và các trang thiết bị đi kèm như tưới nước tiết kiệm, điều chỉnh nhiệt độ... trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 05 ha trở lên

#### **2.6. Hỗ trợ trồng cây dược liệu**

a) Nội dung, mức hỗ trợ

Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng các loại cây dược liệu được hỗ trợ như sau:

- Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 05 ha trở lên, hỗ trợ 25 triệu đồng/ha chi phí cây giống, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

- Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 10 ha trở lên, ngoài hỗ trợ chi phí giống được hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, hệ thống cấp nước trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

Cây dược liệu phải nằm trong danh mục quy định ưu tiên và khuyến khích phát triển của Bộ Y tế.

#### **2.7. Hỗ trợ tập trung đất đai**

Tại nơi có dự án nông nghiệp (đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư) của doanh nghiệp thuê, thuê lại đất, mặt nước của hộ gia

đình, cá nhân để thực hiện tập trung được từ 10 ha trở lên (đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước) hoặc từ 100 ha (đối với đất rừng sản xuất) hỗ trợ những nội dung sau:

a) Hỗ trợ UBND cấp xã, BQL cấp thôn 10 triệu đồng/ha đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước; 3 triệu đồng/ha đối với đất rừng sản xuất trong trường hợp UBND cấp xã, BQL cấp thôn tuyên truyền, vận động để người dân tập trung đất, mặt nước cho doanh nghiệp thuê lại để đầu tư dự án. Số tiền hỗ trợ được sử dụng cho chi phí tuyên truyền, tổ chức các cuộc họp, cho các cán bộ trực tiếp làm công tác tuyên truyền, vận động, trong đó cấp xã hưởng 30%, cấp thôn hưởng 70%.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí cho UBND cấp xã thực hiện đo đạc, lập hồ sơ để quản lý đối với diện tích đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân cho thuê lại đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng rừng sản xuất, mặt nước trước khi bàn giao đất cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

c) Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước để thực hiện dự án với thời gian từ 10 năm trở lên ngoài được hưởng tiền thuê đất, thuê mặt nước của doanh nghiệp còn được hỗ trợ bằng tiền tương đương với 100 kg thóc/360 m<sup>2</sup>/năm theo giá thóc tại thời điểm hỗ trợ đối với đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước; 5 triệu đồng/ha/năm đối với đất rừng sản xuất. Thời gian hỗ trợ bằng thời gian cho thuê lại đất, số tiền hỗ trợ được trả một lần cho cả thời gian cho thuê lại đất.

### **3. Giải pháp thực hiện**

- Đối với các nội dung hỗ trợ: Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung; hỗ trợ trồng hoa, rau; hỗ trợ trồng cây dược liệu thực hiện theo quy định tại Điều 16, 17 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

- Đối với nội dung hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp; xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm; hỗ trợ tập trung đất đai, UBND tỉnh giao cho các cơ quan chuyên môn hướng dẫn thực hiện.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH**

### **1. Dự kiến nguồn lực**

Hàng năm, ngân sách nhà nước tỉnh bố trí khoảng 61,7 tỷ đồng, gồm: khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do tỉnh quản lý và chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trực tiếp quản lý trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động phát triển nông, lâm, thủy sản, thủy lợi; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác.

### **2. Điều kiện bảo đảm thi hành: Giao UBND tỉnh:**

a) Ban hành quyết định chủ trương đầu tư về danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Khoản 1 Điều

16 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Thời hạn 05 năm một lần; hàng năm UBND tỉnh rà soát và điều chỉnh.

b) Rà soát, ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng, tiềm năng mới của tỉnh.

c) Ban hành danh mục dự án ưu tiên đầu tư và định mức hỗ trợ đối với từng loại dự án, hạng mục, công trình phù hợp với các mức hỗ trợ tại Quy định này.

## **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH**

Kỳ họp thứ 7 của HĐND tỉnh.

Trên đây là nội dung đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét thông qua./.

### ***Nơi nhận:***

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: KT,HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động chính sách của Nghị quyết HĐND tỉnh về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP);

UBND tỉnh xây dựng báo cáo đánh giá động chính sách của Nghị quyết HĐND tỉnh về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang gồm những nội dung sau:

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh chung**

Nông nghiệp có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta; là ngành sản xuất ra những sản phẩm, hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống, sinh hoạt của con người, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định an ninh, chính trị để phát triển kinh tế. Trải qua các kỳ đại hội Đảng, vấn đề này ngày càng được Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn, trên cơ sở đó đề ra những chủ trương, định hướng đúng đắn, phù hợp với tình hình, yêu cầu trong từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đảng và Nhà nước ta cũng xác định doanh nghiệp là động lực chính để tái cơ cấu nông nghiệp, đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phát triển như: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị định số Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (nay được thay thế bằng Nghị định số 57/2018/NĐ-CP); Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020...

Thời gian qua, quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển nông nghiệp, căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối và chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế

của tỉnh, như: Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 01/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục vận động nông dân thực hiện “dồn điền, đổi thửa”; Nghị quyết 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết của HĐND số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2017-2020; Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quy định mức hỗ trợ phát triển vùng rau chế biến; Chính sách hỗ trợ khuyến khích dồn điền, đổi thửa; xây dựng cánh đồng mẫu; Đề án cơ giới hoá giảm tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp; Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất và tiêu thụ nắm gắn với ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; Đề án phát triển lúa lai, lúa chất lượng; Đề án sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP; Quy định mức hỗ trợ đầu tư phát triển chăn nuôi- thú y; Đề án hỗ trợ phát triển chăn nuôi gà đồi Yên Thế theo hướng VietGAP; Đề án nâng cao chất lượng giống thủy sản; Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng thuộc nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương...Tuy nhiên, qua rà soát, HĐND tỉnh chưa có cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; chưa có chính sách để thúc đẩy tập trung đất đai để thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh

Cùng sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đoàn thể, xã hội, doanh nghiệp và bà con nông dân, nên sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh phát triển khá toàn diện và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt khá cao ( bình quân 7%/năm), cao hơn so với bình quân chung của cả nước và các tỉnh TDMNPB; việc chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật, giống mới và đưa cơ giới hóa vào sản xuất được đẩy mạnh; năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi không ngừng tăng qua các năm; quy mô sản xuất một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế so sánh tăng nhanh...

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp không ổn định phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, khí hậu, thị trường tiêu thụ và có xu hướng chậm lại. Nông nghiệp phát triển còn kém bền vững và chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của địa phương; đóng góp của lâm nghiệp trong tăng trưởng kinh tế còn thấp, chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và mục tiêu đề ra; quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, phân tán, chủ yếu là kinh tế hộ; tỷ lệ cơ giới hóa còn thấp; năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản còn thấp; công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật đã được quan tâm, song việc ứng dụng nhân rộng các mô hình hiệu quả còn chậm và chưa hiệu quả; công tác bảo quản, chế biến sau thu hoạch còn kém phát triển, phần lớn nông sản tiêu thụ và xuất khẩu ở dạng sơ chế, thô nên giá trị gia tăng thấp; các mô hình liên kết sản xuất

và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị chưa nhiều, sự liên kết chưa chặt chẽ, thiếu bền vững; sản xuất chưa gắn kết được với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.; kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, chủ yếu mới chỉ tập trung đầu tư cho kết cấu hạ tầng thủy lợi, còn giao thông nội đồng, cơ sở sản xuất giống, bảo quản, chế biến, thông tin thị trường... chưa được quan tâm đúng mức; đặc biệt, chưa thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư; hiệu quả và vai trò của các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nông nghiệp, nông thôn đến nay vẫn chưa được phát huy đúng với tiềm năng phát triển: quy mô nhỏ, khả năng cạnh tranh thấp, năng suất lao động thấp, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong khu vực này thấp chiếm khoảng 3% trên tổng lũy kế doanh nghiệp đăng ký kinh doanh.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, ngoài việc thực hiện các nội dung hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, UBND tỉnh đề xuất một số chính sách đặc thù hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích tích tụ đất đai để phát triển đúng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội tại địa phương.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết những khó khăn về vốn để đầu tư dự án vào nông nghiệp, nông thôn thông qua việc hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp; giúp các doanh nghiệp tăng giá trị sản phẩm, tăng khả năng mở rộng thị trường, xuất khẩu thông qua hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm; hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung, đầu tư trồng hoa, rau và cây dược liệu để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Ngoài ra, còn có chính sách để khuyến khích tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Các chính sách được ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, vì vậy, cần đánh giá tác động chính sách. Bao gồm:

- (1) Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng
- (2) Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp
- (3) Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm
- (4) Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung
- (5) Hỗ trợ đầu tư trồng hoa, rau
- (6) Hỗ trợ trồng cây dược liệu
- (7) Hỗ trợ tập trung đất đai

Trong 7 chính sách nêu trên không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới, vì vậy, không đánh giá tác động về giới. Đồng thời các chính sách được đánh giá đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và không làm ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy nhà nước. Đảm bảo khả năng thực hiện của cơ quan nhà nước và đối tượng thụ hưởng.

*Đánh giá cụ thể từng chính sách như sau:*

### **1. Chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng**

a) Xác định vấn đề bất cập: Phần lớn các doanh nghiệp đều gặp khó khăn về vốn do năng lực tài chính hạn chế; việc tiếp cận các khoản vay ưu đãi từ các Quỹ của Trung ương (Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu..) còn khó khăn; mức lãi suất của các ngân hàng thương mại từ 10% - 12%/năm là khá cao đối với các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: dùng ngân sách nhà nước tỉnh (NSNN tỉnh) hỗ trợ các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định phân chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước nhưng không quá 3%/năm và hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Giải pháp thứ 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp thứ 2: (giải pháp đề xuất):

Đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập: thời gian hỗ trợ tối đa là 08 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 02 tỷ đồng.

Đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 06 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 01 tỷ đồng.

Đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 750 triệu đồng.

Đối với dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 500 triệu đồng.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất:

*\* Tác động về kinh tế*

Ước tính hằng năm có 10 dự án đầu tư của doanh nghiệp được hỗ trợ, trong đó: có 02 dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập; 02 dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; 04 dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư; 02 dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị. Tổng số kinh phí hỗ trợ từ NSNN hằng năm khoảng 10 tỷ đồng.

- Đối với cơ quan nhà nước:

+ Tích cực:

Nếu dùng 10 tỷ đồng từ NSNN tỉnh để hỗ trợ lãi suất, sẽ huy động được khoảng 330 tỷ đồng vốn NHTM để các doanh nghiệp vay vốn đầu tư phát triển sản xuất vào nông nghiệp, nông thôn (mức chênh lệch lãi suất khoảng 3%). Đây thực sự là một giải pháp nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn một cách hiệu quả.

Sử dụng NSNN để hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp giúp tăng một phần nguồn thu ngân sách do thuế từ các tổ chức tín dụng tăng lên và các khoản phí khác như: chi phí cầu đường, chi phí vận chuyển, ...tăng lên khi nông nghiệp tăng trưởng, kinh tế phát triển.

+ Tiêu cực: Làm tăng chi NSNN tỉnh khoảng 10 tỷ đồng/năm; chi phí, thời gian giải quyết công việc hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

- Đối với đối tượng được hỗ trợ:

+ Tích cực: Các doanh nghiệp được hưởng lợi từ sự hỗ trợ lãi suất của nhà nước, giúp họ giảm áp lực về lãi suất ngân hàng để đầu tư, sản xuất kinh doanh.

+ Tiêu cực: Phát sinh chi phí về thời gian thực hiện đề nghị hỗ trợ.

\* *Tác động về xã hội*

Chính sách dùng NSNN để hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp sẽ huy động được nguồn lực xã hội, cụ thể là nguồn vốn của các ngân hàng thương mại để đầu tư phát triển sản xuất (vốn vay là vốn các ngân hàng), làm tăng dòng vốn đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo và góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội và thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

\* *Tác động thủ tục hành chính*: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

## **2. Chính sách hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Xác định vấn đề bất cập: Các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn gặp nhiều khó khăn về vốn, đặc biệt trong thời gian mới thực hiện dự án.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho doanh nghiệp thông qua hình thức hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật về thuế.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Giải pháp thứ 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp thứ 2 (giải pháp đề xuất): Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định được hỗ trợ 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án trong 5 năm đầu và hỗ trợ 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án trong 5 năm tiếp theo.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất:

\* *Tác động về kinh tế*

- Đối với cơ quan nhà nước:

+ Tích cực: Là giải pháp hữu hiệu trong quản lý thuế, kích thích các doanh nghiệp kê khai, nộp thuế đầy đủ

+ Tiêu cực: Giảm nguồn thu NSNN từ thuế thu nhập dự kiến 10 doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp nông thôn phát sinh thuế thu nhập

doanh nghiệp, bình quân một năm khoảng 1,5 tỷ đồng; tăng chi phí, thời gian giải quyết công việc hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

- Đối với đối tượng được hỗ trợ:

+ Tích cực: giúp doanh nghiệp chấp hành tốt việc kê khai, nộp thuế với nhà nước; giảm số nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để bổ sung vốn hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ Tiêu cực: tăng chi phí về thời gian thực hiện đề nghị hỗ trợ.

\* *Tác động về xã hội*

Chính sách dùng NSNN để hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp kích thích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo và góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội và thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

\* *Tác động thủ tục hành chính*: Không phát sinh thủ tục hành chính.

### **3. Chính sách hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm**

a) Xác định vấn đề bất cập

Các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp có sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh chưa chú trọng, quan tâm đầu tư tem, nhãn, bao bì cho sản phẩm. Vì vậy, sản phẩm thiếu tính cạnh tranh, giảm hiệu quả, một số sản phẩm có chất lượng cao nhưng do chưa có nhãn hiệu, bao bì sản phẩm và tem truy xuất nguồn gốc lên không tiếp cận được các siêu thị, trung tâm thương mại và thị trường xuất khẩu. Vì vậy cần hỗ trợ các doanh nghiệp có điều kiện xây dựng, thiết kế mẫu mã, bao bì và nhãn hiệu để nâng cao giá trị sản phẩm, góp phần quảng bá, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Hỗ trợ các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Giải pháp thứ 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp thứ 2 (giải pháp đề xuất):

+ Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế mới hoặc nâng cấp mẫu mã bao bì, nhãn mác và sản xuất bao bì, nhãn mác sản phẩm, nhưng không quá 100 triệu đồng/sản phẩm.

+ Hỗ trợ 50% chi phí tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhưng không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.

+ Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng nhãn hiệu nhưng không quá 5 triệu đồng/sản phẩm.

*Điều kiện hỗ trợ*

+ Doanh nghiệp có các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm và sản phẩm nông sản thuộc Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.

+ Sản phẩm được hỗ trợ chi phí thiết kế mới hoặc nâng cấp mẫu mã bao bì, nhãn mác và sản xuất bao bì, nhãn mác sản phẩm và chi phí tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm là sản phẩm đã có giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do cơ quan có thẩm quyền cấp.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất:

\* *Tác động về kinh tế*

Trên toàn tỉnh có 52 sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng. Dự kiến mỗi năm hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 30 sản phẩm. Tổng số kinh phí hỗ trợ từ NSNN hằng năm khoảng 3,45 tỷ đồng.

- Đối với cơ quan nhà nước:

+ Tích cực:

Việc các sản phẩm có nhãn hiệu, bao bì và truy xuất nguồn gốc sẽ giúp cho các cơ quan quản lý kiểm soát sản phẩm về chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, an toàn thực phẩm; quản lý tốt hàng hóa lưu thông trên thị trường, kiểm soát được hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng. Nâng cao chất lượng hàng nông sản và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Tiêu cực: Làm tăng chi NSNN tỉnh khoảng 3,45 tỷ đồng/năm; tăng chi phí, thời gian giải quyết công việc hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

- Đối với đối tượng được hỗ trợ

+ Tích cực: Giúp các doanh nghiệp phát triển bền vững và tạo thương hiệu trên thị trường. Bên cạnh đó đã giúp cho các doanh nghiệp nâng cao giá trị sản phẩm, góp phần quảng bá, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

+ Tiêu cực: tăng chi phí về thời gian thực hiện đề nghị hỗ trợ.

\* *Tác động về xã hội*

Việc xây dựng nhãn mác, thương hiệu và bao bì sản phẩm sẽ đảm bảo kiểm soát được nguồn gốc, chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm. Tạo cho người tiêu dùng có thói quen sử dụng sản phẩm rõ nguồn gốc, xuất xứ. Nâng cao chất lượng, sức khỏe người dân.

\* *Tác động thủ tục hành chính*: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

#### **4. Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung**

a) Xác định vấn đề bất cập:

Tỉnh Bắc Giang có tiềm năng phát triển chăn nuôi dê, ngựa, trâu tập trung tuy nhiên hiện chưa thu hút được dự án của doanh nghiệp để phát triển loại chăn nuôi này.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: dùng NSNN tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Giải pháp thứ 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp thứ 2: (giải pháp đề xuất):

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung được nhà nước hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 02 tỷ

đồng/dự án để xây dựng kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải trong hàng rào dự án.

Dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi từ 500 con trở lên, phù hợp quy hoạch chăn nuôi tập trung được UBND tỉnh phê duyệt hoặc phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới, thực hiện phương án bảo vệ môi trường theo quy định.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất:

*\* Tác động về kinh tế*

Ước tính hằng năm có 05 dự án đầu tư được hỗ trợ. Tổng số kinh phí hỗ trợ từ NSNN hằng năm khoảng 10 tỷ đồng.

- Đối với cơ quan nhà nước:

+ Tích cực: Là giải pháp hữu hiệu để phát triển đàn dê, ngựa, trâu tập trung, khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

+ Tiêu cực: Làm tăng chi ngân sách, một năm khoảng 10 tỷ đồng; tăng chi phí, thời gian giải quyết công việc hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

- Đối với đối tượng được hỗ trợ

+ Tích cực: Giúp các doanh nghiệp giải quyết khó khăn về vốn đầu tư

+ Tiêu cực: Tăng chi phí về thời gian thực hiện đề nghị hỗ trợ.

*\* Tác động về xã hội*

Chính sách dùng NSNN để hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn; góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo và góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội và thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

*\* Tác động thủ tục hành chính:* Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

## **5. Chính sách hỗ trợ trồng hoa, rau**

a) Xác định vấn đề bất cập:

Tỉnh Bắc Giang có tiềm năng phát triển các vùng trồng hoa, rau theo hướng hữu cơ tập trung tuy nhiên hiện chưa thu hút được dự án của doanh nghiệp để khai thác tiềm năng.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: dùng NSNN tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư dự án trồng hoa, rau theo hướng hữu cơ tập trung.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Giải pháp thứ 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp thứ 2: (giải pháp đề xuất):

Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng hoa, rau theo hướng nông nghiệp hữu cơ được hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng giao thông, điện, hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống nhà lưới, nhà kính và các trang thiết bị đi kèm như tưới nước tiết kiệm, điều chỉnh nhiệt độ... trong hàng rào dự án.

*Điều kiện hỗ trợ:* Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 05 ha trở lên

d) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất:

*\* Tác động về kinh tế*

Ước tính hằng năm có 05 dự án đầu tư được hỗ trợ. Tổng số kinh phí hỗ trợ từ NSNN hằng năm khoảng 10 tỷ đồng.

- Đối với cơ quan nhà nước:

+ Tích cực: Là giải pháp hữu hiệu để phát triển vùng trồng hoa, rau tập trung, khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

+ Tiêu cực: Làm tăng chi ngân sách, một năm khoảng 10 tỷ đồng; tăng chi phí, thời gian giải quyết công việc hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

- Đối với đối tượng được hỗ trợ

+ Tích cực: Giúp các doanh nghiệp giải quyết khó khăn về vốn đầu tư

+ Tiêu cực: Tăng chi phí về thời gian thực hiện đề nghị hỗ trợ.

\* *Tác động về xã hội*

Chính sách dùng NSNN để hỗ trợ đầu tư dự án trồng hoa, rau theo hướng hữu cơ nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn; góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo và góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội và thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

\* *Tác động thủ tục hành chính*: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

## **6. Chính sách hỗ trợ trồng cây dược liệu**

a) Xác định vấn đề bất cập

Tỉnh Bắc Giang có tiềm năng phát triển các vùng trồng cây dược liệu tập trung tuy nhiên hiện chưa thu hút được dự án của doanh nghiệp để khai thác tiềm năng.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: dùng NSNN tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư dự án trồng cây dược liệu tập trung.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Giải pháp thứ 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp thứ 2: (giải pháp đề xuất):

+ Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 05 ha trở lên, hỗ trợ 25 triệu đồng/ha chi phí cây giống, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

+ Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 10 ha trở lên, ngoài hỗ trợ chi phí giống được hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, hệ thống cấp nước trong hàng rào dự án.

*Điều kiện hỗ trợ:*

Cây dược liệu phải nằm trong danh mục quy định ưu tiên và khuyến khích phát triển của Bộ Y tế.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất:

\* *Tác động về kinh tế*

Ước tính hằng năm có 3 dự án đầu tư được hỗ trợ. Tổng số kinh phí hỗ trợ từ NSNN hằng năm khoảng 6 tỷ đồng.

- Đối với cơ quan nhà nước:

+ Tích cực: Là giải pháp hữu hiệu để phát triển trồng cây dược liệu, khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

+ Tiêu cực: Làm tăng chi ngân sách, một năm khoảng 6 tỷ đồng; tăng chi phí, thời gian giải quyết công việc hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

- Đối với đối tượng được hỗ trợ

+ Tích cực: Giúp các doanh nghiệp giải quyết khó khăn về vốn đầu tư

+ Tiêu cực: Tăng chi phí về thời gian thực hiện đề nghị hỗ trợ.

\* *Tác động về xã hội*

Chính sách dùng NSNN để hỗ trợ đầu tư dự án trồng tập trung nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn; góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo và góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội và thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

\* *Tác động thủ tục hành chính*: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

## **7. Chính sách hỗ trợ tập trung đất đai**

### **a) Xác định vấn đề bất cập**

Với chủ trương của Đảng và Nhà nước tạo sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng mở rộng quy mô sản xuất áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ và hình thành khu vực chuyên canh theo hướng sản xuất nông nghiệp hiện đại chuyên môn hóa, hướng đến mô hình sản xuất tập trung, quy mô lớn, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ. Tuy nhiên, để thực hiện mô hình sản xuất tập trung, quy mô lớn cần phải tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất. Quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất để thực hiện dự án gặp nhiều khó khăn, thường chậm hơn dự kiến rất nhiều là trở ngại lớn trong đầu tư, sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

### **b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

Tuyên truyền, khuyến khích hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân có đất, mặt nước tích tụ bằng phương án cho doanh nghiệp thuê lại quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để đầu tư dự án sản xuất kinh doanh.

### **c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:**

- Giải pháp thứ 1: Giữ nguyên hiện trạng.

- Giải pháp thứ 2 (giải pháp đề xuất):

Tại nơi có dự án nông nghiệp (đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư) của doanh nghiệp thuê, thuê lại đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện tập trung được từ 10 ha trở lên (đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước) hoặc từ 100 ha (đối với đất rừng sản xuất) hỗ trợ những nội dung sau:

+ Hỗ trợ UBND cấp xã, BQL cấp thôn 10 triệu đồng/ha đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước; 3 triệu đồng/ha đối với đất rừng sản xuất trong trường hợp UBND cấp xã, BQL cấp thôn tuyên truyền, vận động để người dân tập trung đất, mặt nước cho doanh nghiệp thuê lại để đầu tư dự án. Số tiền hỗ trợ được sử dụng cho chi phí tuyên truyền, tổ chức các cuộc họp, cho các cán bộ trực tiếp làm công tác tuyên truyền, vận động, trong đó cấp UBND cấp xã hưởng 30%, BQL cấp thôn hưởng 70%.

+ Hỗ trợ 100% kinh phí cho UBND cấp xã thực hiện đo đạc, lập hồ sơ để quản lý đối với diện tích đất của hộ gia đình, cá nhân cho thuê lại đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất mặt nước, đất rừng sản xuất trước khi bàn giao đất cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

+ Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước để thực hiện dự án với thời gian từ 10 năm trở lên ngoài được hưởng tiền thuê

đất, thuê mặt nước của doanh nghiệp còn được hỗ trợ bằng tiền tương đương với 100 kg thóc/360 m<sup>2</sup>/năm theo giá thóc tại thời điểm hỗ trợ đối với đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước; 5 triệu đồng/ha/năm đối với đất rừng sản xuất. Thời gian hỗ trợ bằng thời gian cho thuê lại đất, số tiền hỗ trợ được trả một lần cho cả thời gian cho thuê lại đất.

d) Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất:

*\* Tác động về kinh tế*

Ước tính hằng năm có 03 dự án của doanh nghiệp tập trung được từ 10 ha trở lên (đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước) 02 dự án của doanh nghiệp tập trung được từ 100 ha (đối với đất rừng sản xuất). Tổng số kinh phí hỗ trợ từ NSNN hằng năm cho các đối tượng khoảng 22,3 tỷ đồng.

- Đối với cơ quan nhà nước:

+ Tích cực:

Thể hiện sự đổi mới, quyết tâm của tỉnh trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm mục tiêu tạo bước đột phá trong quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, phát huy tiềm năng đất đai, giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất trong nông nghiệp. Từ đó hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá, được đầu tư hạ tầng đồng bộ, với các sản phẩm nông nghiệp có giá trị, qua đó tăng thu cho NSNN (thuế GTGT, thuế xuất khẩu; các khoản phí khác: chi phí cầu đường, chi phí vận chuyển, tăng chi tiêu của người dân).

+ Tiêu cực: Làm tăng chi NSNN tỉnh khoảng 22,3 tỷ đồng/năm; chi phí, thời gian giải quyết công việc hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

- Đối với đối tượng được hỗ trợ

+ Tích cực: các hộ gia đình, cá nhân có đất, mặt nước được hưởng lợi từ tích tụ đất đai, ngoài được hưởng số tiền từ doanh nghiệp thuê lại, còn được nhà nước hỗ trợ thêm 1 khoản kinh phí.

+ Tiêu cực: Phát sinh chi phí về thời gian thực hiện đề nghị hỗ trợ.

*\* Tác động về xã hội*

Chính sách tích tụ đất đai sẽ hạn chế tình trạng bỏ ruộng, bỏ canh tác đang diễn ra ở một số nơi hiện nay; phù hợp với chủ trương dồn điền, đổi thửa xây dựng cánh đồng lớn của tỉnh. Các doanh nghiệp đầu tư dự án sẽ tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo và góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội và thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

*\* Tác động thủ tục hành chính:* Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

### **III. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP LỰA CHỌN**

Qua phân tích, đánh giá tác động của chính sách cho thấy, giải pháp lựa chọn hỗ trợ cho doanh nghiệp nêu trên là phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, phù hợp với nhiệm vụ Chính phủ giao tại khoản 1, Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và nhằm khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực nông nghiệp, nông; khuyến khích tích tụ đất đai để phát triển đúng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội tại địa phương

Kính đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, nhất trí với đề xuất ban hành chính sách với các giải pháp hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nêu trên.

#### **IV. LẤY Ý KIẾN**

Trong quá trình tham mưu xây dựng chính sách đã tham khảo ý kiến của các doanh nghiệp; các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân. Các cơ quan, đơn vị đều nhất trí sự cần thiết ban hành chính sách, đánh giá cao sự quan tâm của tỉnh nhằm hỗ trợ tạo điều kiện doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Tổng số cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến: ... , trong đó:

- Ý kiến nhất trí hoàn toàn với dự thảo: ...

- Ý kiến đóng góp:.... , đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan được giao chủ trì soạn thảo) tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình cụ thể.

*(Có báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia kèm theo).*

#### **V. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ**

1. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. UBND tỉnh giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực nội dung hỗ trợ; xây dựng và tổng hợp kế hoạch thực hiện nội dung hỗ trợ cho các doanh nghiệp; Hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai thực hiện.

*(Kèm theo Báo cáo này có Bảng tính chi phí thực hiện chính sách).*

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh kính trình Thường trực HĐND tỉnh./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CTCT; CPVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**BẢNG TÍNH CHI PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**  
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 4 năm 2019)

| STT      | Nội dung hỗ trợ   | Cách thức/ Định mức hỗ trợ                      | Đơn giá (triệu đồng) | Số lượng | Kinh phí hỗ trợ hàng năm (tr.đồng) | Ghi chú  |
|----------|---|---|----------------------|----------|------------------------------------|--|
|          | <b><u>Tổng kinh phí hỗ trợ</u></b>  |   |                      |          | <b>61.765</b>                      |  |
| <b>1</b> | <b>Hỗ trợ lãi suất</b>  |   |                      |          | <b>10.000</b>                      | Dự kiến hỗ trợ cho 10 dự án  |
|          | Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập   | Không quá 02 tỷ đồng                            | 2.000                | 2        | 4.000                              |  |
|          | Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư   | Không quá 01 tỷ đồng                            | 1.000                | 2        | 2.000                              |  |
|          | Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư   | Không quá 750 triệu đồng                        | 750                  | 4        | 3.000                              |  |
|          | Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị   | Không quá 500 triệu đồng                        | 500                  | 2        | 1.000                              |  |
| <b>2</b> | <b>Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp</b>  | 100% trong 5 năm đầu, 50% trong 5 năm tiếp theo |                      |          |                                    | NSNN thực tế không bỏ tiền hỗ trợ mà hỗ trợ trên cơ sở số thực nộp theo quy định |
| <b>3</b> | <b>Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm</b>            |   |                      |          | <b>3.450</b>                       |  |
|          | Hỗ trợ chi phí thiết kế mới hoặc nâng cấp mẫu mã bao bì, nhãn mác và sản xuất bao bì, nhãn mác sản phẩm | Không quá 100 triệu đồng/sản phẩm:              | 100                  | 30       | 3.000                              | Dự kiến mỗi năm hỗ trợ 30 sản phẩm   |
|          | Hỗ trợ chi phí tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm   | Không quá 10 triệu đồng/sản phẩm                | 10                   | 30       | 300                                | Dự kiến mỗi năm hỗ trợ 30 sản phẩm   |

| STT | Nội dung hỗ trợ  | Cách thức/ Định mức hỗ trợ  | Đơn giá (triệu đồng) | Số lượng | Kinh phí hỗ trợ hàng năm (tr.đồng) | Ghi chú  |
|-----|--|---|----------------------|----------|------------------------------------|--|
|     | Hỗ trợ chi phí xây dựng nhãn hiệu sản phẩm                       | Không quá 5 triệu đồng/sản phẩm   | 5                    | 30       | 150                                | Dự kiến mỗi năm hỗ trợ 30 sản phẩm   |
| 4   | Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung | Không quá 02 tỷ đồng/dự án  | 2.000                | 5        | 10.000                             | Dự kiến hỗ trợ cho 5 dự án của doanh nghiệp  |
| 5   | Hỗ trợ đầu tư trồng hoa, rau                                     | Không quá 02 tỷ đồng/dự án  | 2.000                | 5        | 10.000                             | Dự kiến hỗ trợ cho 5 dự án của doanh nghiệp  |
| 6   | Hỗ trợ trồng cây dược liệu                                       | Không quá 02 tỷ đồng/dự án  | 2.000                | 3        | 6.000                              | Dự kiến hỗ trợ cho 3 dự án của doanh nghiệp  |
| 7   | Hỗ trợ tập trung đất đai   |   |                      |          | 22.315                             |  |
|     | Hỗ trợ UBND cấp xã, BQL cấp thôn tuyên truyền, vận động          | 10 triệu đồng/ha đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước | 10                   | 45       | 450                                | Dự kiến có 3 dự án (diện tích sử dụng 10 ha trở lên, tạm tính bình quân là 15 ha)      |
|     |  | 3 triệu đồng/ha đối với đất rừng sản xuất   | 3                    | 240      | 720                                | Dự kiến có 2 dự án (diện tích sử dụng từ 100 ha trở lên, tạm tính bình quân là 120 ha) |
|     | Hỗ trợ kinh phí cho UBND cấp xã thực hiện đo đạc, lập hồ sơ      | 4,7 triệu đồng/01 ha đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, mặt nước                               | 4,7                  | 45       | 212                                | Dự kiến có 3 dự án (diện tích sử dụng 10 ha trở lên, tạm tính bình quân là 15 ha)      |
|     |  | 0,66 triệu đồng/01 ha đối với đất đối với đất trồng rừng sản xuất                                       | 0,66                 | 240      | 158                                | Dự kiến có 2 dự án (diện tích sử dụng từ 100 ha trở lên, tạm tính bình quân là 120 ha) |

| STT | Nội dung hỗ trợ   | Cách thức/ Định mức hỗ trợ   | Đơn giá (triệu đồng) | Số lượng | Kinh phí hỗ trợ hàng năm (tr.đồng) | Ghi chú  |
|-----|---|--|----------------------|----------|------------------------------------|--|
|     | Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước | 100 kg thóc/360 m <sup>2</sup> /năm theo giá thóc tại thời điểm hỗ trợ đối với đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước (tạm tính giá thóc 7.000 đồng/kg; 1ha hỗ trợ 19,5 trđ/năm x 10 năm) | 195,00               | 45       | 8.775                              | Dự kiến có 3 dự án (diện tích sử dụng 10 ha trở lên, tạm tính bình quân là 15 ha)      |
|     |   | 5 triệu đồng/ha/năm đối với đất rừng sản xuất x10 năm  | 50,0                 | 240      | 12.000                             | Dự kiến có 2 dự án (diện tích sử dụng từ 100 ha trở lên, tạm tính bình quân là 120 ha) |

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO**

**ĐỀ CƯƠNG**

**Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2019 của UBND tỉnh)*

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/NQ-HĐND Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /7/2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra số: /BC-HĐND ngày /6/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày.....và có hiệu lực kể từ ngày...../.

*Nơi nhận:*

.....  
.....

**CHỦ TỊCH**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**

**Một số chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn  
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số.../NQ-HĐND ngày.... tháng...năm 2019  
của HĐND tỉnh Bắc Giang)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Phạm vi điều chỉnh**

**Điều 2: Đối tượng áp dụng**

**Điều 3: Nguyên tắc áp dụng**

**Chương II  
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

**Điều 4: Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng**

**Điều 5: Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Điều 6: Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì nhãn mác sản phẩm, tem  
truy xuất nguồn gốc sản phẩm**

**Điều 7: Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung**

**Điều 8: Hỗ trợ trồng hoa, rau**

**Điều 9: Hỗ trợ trồng cây dược liệu**  
**Điều 10: Hỗ trợ tập trung đất đai**

**Chương III**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12: Nguồn kinh phí thực hiện**

**CHỦ TỊCH**